

Số: 65 /KH- UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01- NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03- NQ/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai ban hành 18 Đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Đề án số 09-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 79 /KH-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, năm 2023; cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Việc triển khai thực hiện Đề án phải đảm bảo đúng với quan điểm, mục tiêu, định hướng của Đề án đã được Tỉnh ủy ban hành nhằm hoàn thành các mục tiêu của đề án đã đặt ra.

II. Mục tiêu

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu Đề án giai đoạn 2021-2025, trong năm 2023 việc triển khai thực hiện đề án phải đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1. Về tài nguyên đất

- Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê, giá đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoàn thành 60% khối lượng công việc Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai” nội dung rà soát ranh giới, cắm mốc, đo đạc bản đồ địa chính, đất ban quản lý rừng phòng hộ, diện tích đất rừng phòng hộ, đất giao cho UBND cấp xã, cộng đồng dân cư quản lý.

- Phân đấu hết năm 2023 đạt 90%/100% các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và trồng trọt... được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định (*hết năm 2022 đạt 78%/100%*).

- Tiếp tục rà soát và đưa vào quản lý toàn bộ diện tích quỹ đất công trên địa bàn tỉnh của các loại đất: Đất dự trữ phát triển do nhà nước tạo ra đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đất xen kẹt trong khu dân cư, đất lỗi, đất các trụ sở hành chính, trường học, y tế, chợ, bến xe và đất các cụm công nghiệp, đất 5% do xã quản lý, đất sông suối...

- Hoàn thành việc xây dựng hệ thống phần mềm ngành Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

- Năm 2023 tổng thu tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước đạt trên 2.900 tỷ đồng.

2. Về tài nguyên khoáng sản.

- Thực hiện việc cấp quyền khai thác khoáng sản chế biến và chế biến sâu thông qua hình thức đấu giá khoáng sản; thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản khoảng 2.300 tỷ đồng/năm, và tạo công ăn việc làm cho 10.000 người lao động trong lĩnh vực khai thác, trong đó:

+ Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dự kiến thu ngân sách khoảng 60 tỷ đồng.

+ Đối với khoáng sản như: Quặng sắt, đồng, apatit, caolanh,... dự kiến thu ngân sách khoảng 2.240 tỷ đồng.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh cho 50 điểm khai thác khoáng sản góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Phân đấu 80% các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh lắp đặt trạm cân, camera quản lý giám sát sản lượng khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Về tài nguyên nước.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về ý thức sử dụng tài nguyên nước, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm nguồn nước; các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm “Ngày nước thế giới” và “Ngày khí tượng thế giới” được quan tâm tổ chức tuyên truyền đến đông đảo người dân trên địa bàn tỉnh. Về an ninh nguồn nước tổ chức triển khai thực hiện theo Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 (*Chương trình số 163-CTr/TU ngày 12/10/2022*)

- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước sông, suối chính thường xuyên; định kỳ và đột xuất, lấy mẫu và phân tích mẫu nước trên sông Hồng, sông Chảy, suối Ngòi Bo Công và các khu vực có nguy cơ ô nhiễm để khoanh vùng, cảnh báo ô nhiễm nguồn nước. Các loại hóa chất độc hại sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản phải được xử lý theo quy trình và được thu gom xử lý đúng quy định trước khi thải ra môi trường.

- Hoàn thành việc cắm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

- Hoàn thành 100% việc xây dựng quy định mực nước tương ứng với cấp báo động lũ trên các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn nói chung và khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.
- Hoàn thành việc xây dựng hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước phục vụ quản lý.
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn... tích hợp trong hệ thống cơ sở dữ liệu chung của ngành.
- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, dự kiến năm 2023 các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép trên địa bàn tỉnh được ngăn chặn đạt 80%.
- Thu ngân sách từ tài nguyên nước đạt 650 tỷ đồng

4. Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học.

- *Bảo vệ môi trường đô thị:* Tiếp tục kiểm soát nguồn thải phát sinh từ các khu đô thị nhằm đạt 90% các khu đô thị đạt khu đô thị xanh. Duy trì ổn định chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn và tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị đạt 95%.
- *Bảo vệ môi trường công nghiệp:* Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (*hệ thống XLNT tập trung; xử lý chất thải rắn; quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải*); 100% các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; 100% dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định.
- *Bảo vệ môi trường nông thôn:* Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý đạt 78%.

Đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác kiểm soát môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loài ngoại lai xâm hại; điều tra nguồn thải, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

5. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó với BĐKH của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân; năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với BĐKH. Chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với BĐKH. Giảm thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

- Tiếp tục đầu tư, bố trí nguồn lực thực hiện xây dựng hệ thống kè sông, suối chống sạt lở bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ hạ tầng cơ sở, ổn định quỹ đất phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường công tác quan trắc, giám sát nguồn nước xuyên biên giới như nước sông Hồng, sông Chảy; đối với các khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh xây dựng vận hành các trạm quan trắc, kịp thời xử lý các sự cố xảy ra trên địa

bàn, hàng năm đều thực hiện việc lấy mẫu quan trắc, cũng như quan trắc tự động nước mặt, nước ngầm và không khí.

- Tiếp tục Quản lý và triển khai có hiệu quả công tác giao đất, giao rừng; phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 57%.

(Có phụ biểu chi tiết 01 kèm theo)

III. Giải pháp thực hiện

1. Tổ chức tập huấn cho cán bộ, lãnh đạo làm công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH từ cấp tỉnh đến cấp xã, doanh nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh cũng như thường xuyên tuyên truyền pháp luật các văn bản quản lý tài nguyên và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (*các cơ quan báo chí, đài, hệ thống phát thanh truyền hình, ...*) đến đông đảo bà con nhân dân.

2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường theo từng lĩnh vực nhằm từng bước nâng cao về chất lượng nguồn nhân lực cũng như đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là đối với cơ sở; tổ chức thanh tra công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Chú trọng công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh..., ưu tiên bố trí tối thiểu 10% kinh phí của nguồn thu từ đất để thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cấp, các ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước để xảy ra vi phạm mà không được xử lý kịp thời.

5. Tăng cường sự phối hợp và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH; Rà soát, ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trên nguyên tắc xác định rõ trách nhiệm cơ quan đầu mối bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

6. Công khai minh bạch các thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết các thủ tục về đất đai, khoáng sản, môi trường... nghiên cứu giảm các thủ tục về đất đai tạo điều kiện cho các doanh nghiệp người dân trong quá trình tiếp cận dễ dàng trong quá trình thực hiện.

7. Tăng cường công tác kiểm tra để giám sát về nguồn gốc, sản lượng khoáng sản sau khai thác nhằm tránh thất thu cho ngân sách.

8. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước ở các cấp, tổ chức thanh tra, kiểm tra toàn diện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, đa dạng sinh học tại cấp huyện theo thẩm quyền; Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường (*đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường*) và các chỉ tiêu về đa dạng sinh học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động quan trắc, các trạm giám sát, cảnh báo sớm các thiên tai theo hướng tự động hiện đại và đồng bộ trên nền tảng ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin, internet giám sát chất lượng môi trường.

10. Tập trung xử lý môi trường khu công nghiệp; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường nông thôn; xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải.

11. Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ môi trường trên địa bàn tỉnh bằng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc giám sát, quan trắc tự động trong giám sát nguồn thải, giám sát chất lượng môi trường cần tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như:

- Duy trì năng lực quan trắc môi trường nước xuyên biên giới, hoạt động hệ thống quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải. Tiếp tục đôn đốc các doanh nghiệp đầu tư, lắp dựng hệ thống quan trắc khí thải, nước thải tự động.

- Tăng cường và mở rộng các hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường nền tại các khu công nghiệp, đô thị trọng điểm và lưu vực sông chính

- Tiếp tục đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho công tác quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường.

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên.

- Tăng cường công tác cảnh báo trước để phòng ngừa sớm thiên tai gây ra. Kết nối hệ thống cảnh báo thiên tai với hệ thống dữ liệu của các ngành, lĩnh vực khác để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, hạn chế thiệt hại do thiên tai. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong việc đầu tư các thiết bị dự báo, phòng ngừa thiên tai của các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh.

IV. Nhu cầu nguồn vốn thực hiện

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án năm 2023

Dự kiến nhu cầu vốn: 262.076 triệu đồng; Trong đó:

- Vốn NSTW: 25.000 triệu đồng.

- Vốn NSDP: 87.036 triệu đồng.

- Vốn ODA: 13.000 triệu đồng.

- Vốn ngoài ngân sách: 137.040 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết phân bổ nguồn vốn và các dự án thành phần số 02 kèm theo).

V. Phân công nhiệm vụ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Đề án năm 2023. Căn cứ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện và thường xuyên đôn đốc, báo cáo kết quả triển khai Đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Đề án phù hợp với ngân sách địa phương để bảo đảm thực hiện Đề án và các dự án có hiệu quả; nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong việc

áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường trong sản xuất, kinh doanh; đầu tư vào lĩnh vực xử lý, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quản lý rủi ro thiên tai, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chống sa mạc hóa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi phù hợp với điều kiện của BĐKH.

4. Sở Công Thương: Chủ trì tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch khoáng sản; phối hợp trong công tác quản lý môi trường và hoá chất. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng và quản lý phát triển đô thị gắn với nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, quản lý đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

7. Đề nghị Đảng, Đoàn, HĐND tỉnh: Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện Đề án này.

VI. Chế độ báo cáo

Giao Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 09 Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện; cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, kịp thời phản ánh về UBND tỉnh, thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. *R*

Nơi nhận:

- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH2,3, TNMT1,2. *R*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hải

BIỂU SỐ 01

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN SỐ 09-ĐA/TU NGÀY 11/12/2020 TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI, NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 65 /KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2022	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2023
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I	Về tài nguyên đất						
1	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt	%		100%	90%	100%	100%
2	Các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất ở và đất phi nông nghiệp khác được đo đạc lập bản đồ địa chính diện tích cần đo vẽ	%		95%	95%	95%	95%
3	Toàn bộ hồ sơ đất đai, giá đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được quản lý và xây dựng xong cơ sở dữ liệu đất đai	%		90%	80%	74%	100%
4	Diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác có hiệu quả gắn với giao rừng	%		100%	0%	15%	60%
5	Các Ban Quản lý rừng phòng hộ, Vườn Quốc gia Hoàng Liên, các Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên hoàn thành việc giao đất, giao rừng để quản lý	%		100%	0%	15%	60%
6	Các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp được giao đất đảm bảo đúng quy định.	%		100%	50%	79%	90%
7	Tổ chức thực hiện và quản lý các quỹ đất công trên địa bàn tỉnh theo quy định	%		100%	80%	80%	90%
II	Về tài nguyên khoáng sản						
9	Thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản, trong đó:	Tỷ đồng		≥11500	1500	≥1.831/năm	≥2300/năm
	+ Thu ngân sách từ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sẽ đáp ứng đủ cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh và cung cấp bán, tiêu thụ cho thị trường các tỉnh trong khu vực	Tỷ đồng		Từ 40 đến 80 tỷ đồng/năm	50	54	60
	+ Thu ngân sách từ khoáng sản như quặng sắt, đồng, apatit, cao lanh	tỷ đồng/năm		≥11000	1450	1778	2240
10	Lắp đặt các trạm cân, camera quản lý giám sát sản lượng khai thác khoáng sản	%		80%	5%	65%	80%
II	Về tài nguyên nước						

2

11	Hệ thống trạm quan trắc nước mặt, nước dưới đất được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 169/QĐ-UBND	%		100%	50%	60%	70%
12	Triển khai thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước các nguồn nước phải cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước	%		50%	0%	30%	100%
13	Thu ngân sách từ tài nguyên nước	tỷ đồng/năm		≥2500	500	600	650
III	Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học						
14	Các khu đô thị đạt khu đô thị xanh	%		≥90%		Không có chỉ tiêu đánh giá	Không có chỉ tiêu đánh giá
15	Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia	%	95	95%	100%	95%	95%
16	Các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải tập trung trước khi đi vào vận hành	%		100%	100%	100%	100%
17	Các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường	%		100%	100%	100%	100%
18	Dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định	%		100%	100%	100%	100%
19	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom	%	80	80%	75%	76%	78%

R

BIỆU 02. TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN VỐN VÀ DANH MỤC DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐỀ ÁN SỐ 09-ĐA/TU NGÀY 11/12/2020
 THỰC HIỆN NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



Số thứ tự	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tổng kinh phí thực hiện năm 2023	Phân theo nguồn vốn năm 2023													Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
					Nguồn vốn ngân sách										Vốn đầu tư của các doanh nghiệp				
					Tổng số	Đầu tư NSDP	Vốn sự nghiệp NSDP	Vốn CT MTQG	NSTW hỗ trợ có MT	Vốn vay ODA	Đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TP	Vốn tư có của DN	Vốn vay (tín dụng)	Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác			
		4.605		1	2=3+4+...+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
	Tổng cộng	15.277	15.716	262.076	125.036	0	87.036	5.000	20.000	13.000	0	0	135.540	0	0	1.500			
I	Về lĩnh vực đất đai	15.050	13.305	110.650	100.650	0	67.650	0	20.000	13.000	0	0	10.000	0	0	0			
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILC)	15.050	13.305	17.000	17.000		4.000			13.000									
2	Đề án "Tăng cường quản lý đất đai tại cơ nguồn gốc từ nông trường làm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai" vào giai đoạn 2021-2025.	0	0	80.000	70.000		50.000		20.000				10.000						
3	Điều chỉnh bảng giá đất bảng giá đất 5 năm 2020-2025			1.150	1.150		1.150												
4	Xây dựng CSDL Kho lưu trữ đất đai diện từ của các huyện: Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Mường Khương	0	0	10.500	10.500		10.500												
5	Xây dựng hệ thống phần mềm ngành Tài nguyên và Môi trường (Gồm các phần hệ: CSDL và phần mềm quản lý đa dạng sinh học; CSDL và phần mềm quản lý khí tượng thủy văn; CSDL và phần mềm quản lý về biến đổi khí hậu; CSDL và phần mềm quản lý về môi trường; CSDL và phần mềm quản lý Tài nguyên nước; CSDL và phần mềm quản lý tài nguyên khoáng sản...)			2.000	2.000		2.000												
II	Về lĩnh vực quản lý khoáng sản	0	400	14.100	14.100	0	14.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tam cấm hoạt động khoáng sản cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật	0	0	3.300	3.300		3.300												
2	Dự án: Kết nối dữ liệu từ trạm camera giám sát tại các mỏ khoáng sản		400	4.600	4.600		4.600												

DVT : Tr. đồng

8

3	Thuê dịch vụ: Kết nối dữ liệu từ máy scan, camera giám sát tại các đơn vị Quận 3	200	200	200															Quý 3 năm 2023	
4	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, khoanh san, phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu	6.000	6.000	6.000															Quý 3 năm 2023	Sở TNMT
III	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường	132.540	5.500	0	500	5.000	0	0	0	0	125.540	0	0	1.500					Quý 1 năm 2023	Sở TNMT
1	Đề án "Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn Quận 3, Cai giải đoạn 2020-2025"	124	2.011	5.540	500	500					3.540			1.500					Quý 3 năm 2023	Các doanh nghiệp
2	Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành các hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường không khí	0	0	50.000	0						50.000								Quý 3 năm 2023	Doanh nghiệp
3	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại tỉnh Lào Cai	0	0	54.000	0						54.000								Quý 3 năm 2023	Doanh nghiệp
4	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải 30 tấn/ rác/ngày đêm, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.	0	0	18.000	0						18.000								Quý 3 năm 2023	UBND các huyện, thành phố
5	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các bãi rác thải sinh hoạt được xây dựng theo chương trình nông thôn mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	0	0	5.000	5.000														Quý 3 năm 2023	
IV	Về lĩnh vực nước, ứng phó với biến đổi khí hậu	100	0	4.786	4.786	0	0	0	0	0	0	0	0	0					Quý 3 năm 2023	Sở TNMT
1	Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	0	0	4.786	4.786														Quý 3 năm 2023	

2